ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 45/2014/QĐ-UBND	*Đà Nẵng, ngày 08 tháng 12 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định mức trợ cấp nuôi dưỡng và vật dụng phục vụ sinh hoạt đối với các đối tượng đang nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 26/2012/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 5 năm 2014 của liên Bộ: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 375/TTr-SLĐTBXH,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức trợ cấp nuôi dưỡng và vật dụng phục vụ sinh hoạt đối với các đối tượng đang nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý (*Phụ lục kèm theo Quyết định này).*

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, kiểm tra và giám sát các cơ sở Bảo trợ xã hội công lập thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và bãi bỏ Khoản 2, Điều 1, Quyết định số 45/2012/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2012 của

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội.

Điều 4. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Văn Hữu Chiến

PHỤ LỤC
QUY ĐỊNH MỨC TRỢ CẤP NUÔI DƯỠNG VÀ VẬT DỤNG PHỤC VỤ SINH HOẠT ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG NUÔI DƯỠNG TẠI CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI CÔNG LẬP
(Ban hành kèm theo Quyết định số 45 /2014/QĐ-UBND ngày 08 tháng12 năm 2014 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Đơn vị	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ (đồng)
Trung tâm Bảo trợ xã hội và Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần thành phố Đà Nẵng	1. Tiền ăn cho các đối tượng *(riêng đối tượng người khuyết tật đặc biệt nặng thực hiện theo phụ lục số 2 Quyết định số 13/2014/QĐ-UB ngày 06/5/2014 về quy định chế độ, chính sách trợ xã hội cho người khuyết tật)*	500.000/người/tháng
	2. Hỗ trợ vật dụng sinh hoạt cá nhân	
	Tiền mua sắm vật dụng cá nhân (chăn, màn, chiếu, gối…)	300.000/người/năm
	Tiền trang cấp quần áo, dép (02 bộ quần áo, 01 áo ấm và 01 đôi dép...)	350.000/người/năm
	Đồ dùng, vệ sinh cá nhân	30.000/người/tháng
	Thuốc chữa bệnh thông thường	100.000/người/tháng
	Vật dụng cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ	30.000/người/tháng
	Sách vở, đồ dùng học tập cho trẻ em đi học PT,BTVH	630.000/người/năm
	Trợ cấp mai táng phí	3.000.000/người
	Bảo hiểm y tế	Theo quy định hiện hành về BHYT

	3. Hỗ trợ dụng cụ, phương tiện phục hồi chức năng đối với người khuyết tật đặc biệt nặng	
	Nạng, nẹp (cấp 1 năm/1 lần)	Thực hiện theo Thông tư số 26/2012/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2012 của Bộ LĐTBXH hướng dẫn một số điều của Nghị định 28/2012/NĐ-CP
	Chân, tay giả (cấp 3 năm/1 lần)	
	Xe lăn, xe lắc (cấp 01 lần)	
	4. Các đối tượng: Trẻ em mồ côi, trẻ bị bỏ rơi, người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa, người khuyết tật, người mắc bệnh tâm thần, người bị nhiễm HIV/AIDS đang được nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội khác	
	Bảo hiểm y tế	Theo quy định hiện hành về BHYT và GD&ĐT
	Miễn học phí và các khoản đóng góp của nhà trường	
	5. Trẻ em từ 13 tuổi trở lên đang nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội không còn học văn hóa	Được giới thiệu đến các cơ sở dạy nghề để học nghề theo quy định hiện hành về đào tạo nghề